

BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Số 12 năm 2021



Đơn vị thực hiện:

- CỤC CÔNG THƯƠNG ĐỊA PHƯƠNG

- TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

Bản tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 12 NĂM 2021

THÁNG 12 NĂM 2021

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:
Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:
Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,
Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: (024) 37152585
Fax: (024) 37152574

MỤC LỤC

- 3 **TỔNG QUAN**
- 4 **THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA**
- 4 Giá nông, lâm, thủy sản biến động trái chiều trong tháng cuối năm 2021
- 6 Tiêu thụ nông sản tại các cửa khẩu tiếp tục đối mặt với nhiều sức ép
- 6 **THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU**
- 8 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong năm 2021 đạt kết quả khả quan
- 13 Xuất khẩu rau quả và thủy sản gặp khó bởi các chính sách kiểm soát dịch Covid-19 của Trung Quốc
- 17 Tận dụng FTA để thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Nhật Bản
- 20 **THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**
- 20 Tiền Giang phấn đấu kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản đạt 1,1 tỷ USD năm 2030
- 21 Triển lãm nguồn hàng Việt Nam trực tuyến tại Australia
- 22 Danh sách các Hội chợ triển lãm quốc tế năm 2022 tại Tây Ban Nha
- 23 Bình Thuận mở rộng thị trường tiêu thụ quả thanh long
- 23 **THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ**
- 24 Công bố hạn ngạch thuế quan nhập khẩu muối, trứng gia cầm năm 2022
- 24 Từ năm 2022, Trung Quốc sẽ giảm thuế nhiều mặt hàng thủy sản nhập khẩu
- 24 **THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI**
- 25 Giá nhiều mặt hàng nông sản giảm trong tháng cuối năm 2021
- 26 Việt Nam cần chú ý đến vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm để khai thác hiệu quả thị trường Bỉ
- 29 **TIN VĂN**

TỔNG QUAN

Kết thúc năm 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng nghiêm trọng trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, kinh tế trong nước đã từng bước vượt qua khó khăn và đạt những kết quả đáng ghi nhận. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) trong quý IV/2021 ước tính tăng 5,22%, đưa tăng trưởng GDP của toàn nền kinh tế trong năm 2021 ước tính đạt 2,58%. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Với kết quả này, GDP của toàn ngành nông nghiệp cao hơn so với tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước, trở thành một trong những "điểm sáng" của nền kinh tế trong năm 2021.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đã đạt kết quả tích cực vượt kỳ vọng. Trong đó, một số mặt hàng đã vượt so với mục tiêu đặt ra như cao su, hạt điều, gỗ và sản phẩm gỗ. Tổng kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng nông, lâm, thủy sản chủ lực trong năm 2021 ước đạt 42,8 tỷ USD, tăng 14,5% so với năm 2020 và chiếm 12,7% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Hầu hết các mặt hàng nông sản đều được hưởng lợi nhờ giá nông sản toàn cầu tăng cao, trong đó giá xuất khẩu bình quân cà phê đã tăng 12,4%; giá gạo tăng 5,5%; giá sắn tăng 25,6%; giá cao su tăng 23,1% và giá hạt tiêu tăng tới 55,2% so với giá xuất khẩu bình quân năm 2020.

Trong năm 2022, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng dự kiến xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sẽ tiếp tục duy trì tốc



độ tăng trưởng khả quan nhờ được hỗ trợ bởi giá xuất khẩu ở mức cao, cùng với những lợi thế trong các FTA mà Việt Nam đã tham gia. Đáng chú ý, Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) có hiệu lực từ 1/1/2022 cũng sẽ là một trong những động lực lớn của xuất khẩu nhóm hàng này trong năm 2022.

Tại thị trường trong nước, giá một số mặt hàng nông, thủy sản trong tháng cuối năm 2021 tiếp tục được điều chỉnh giảm sau giai đoạn liên tục tăng trước đó. Trong đó, giá lúa gạo tại các tỉnh ĐBSCL điều chỉnh giảm so với tháng trước do nhu cầu cuối năm ở mức thấp khi các nước bước vào các kỳ nghỉ lễ. Giảm mạnh nhất là lúa IR 50404 tại An Giang với mức giảm 3,6% xuống 5.400 đồng/kg. Ngoài ra, giá tiêu đen tại Tây Nguyên và Nam Bộ cũng giảm 5,8% xuống 81.000 đồng/kg. Ngược lại, sau một thời gian ở mức thấp, giá cá tra tại nhiều địa phương ĐBSCL tăng bình quân 2.000 đồng/kg so với tháng trước do doanh nghiệp đẩy mạnh thu mua để chế biến xuất khẩu và chuẩn bị nguồn hàng phục vụ thị trường cuối năm.

MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý:

▶ Ngày 3/1/2022, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 58/VPCP-KTTH truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành về khắc phục tình trạng ùn tắc hàng hóa tại các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và các tỉnh biên giới phía Bắc.

▶ Ngày 16/12/2021, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư 24/2021/TT-BCT quy định về nguyên tắc điều hành nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan đối với mặt hàng muối, trứng gia cầm và thuốc lá nguyên liệu năm 2022.

GIÁ NÔNG, LÂM, THỦY SẢN BIẾN ĐỘNG TRÁI CHIỀU TRONG THÁNG CUỐI NĂM 2021

Trong tháng 12/2021, giá các mặt hàng nông, thủy sản tại thị trường trong nước biến động trái chiều, với xu hướng tăng của giá cà phê, thủy sản, nhưng giảm giá với cao su, gạo và hạt tiêu. Diễn biến cụ thể như sau:



+ Mặt hàng lúa gạo: Giá lúa gạo tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) giảm 100 – 200 đồng/kg so với tháng trước do nhu cầu cuối năm ở mức thấp khi các nước bước vào các kỳ nghỉ Lễ năm mới.

Tính đến ngày 28/12, gạo nguyên liệu và thành phẩm IR 504 ổn định ở mức 7.700 – 8.550 đồng/kg; tấm 1 IR 504 giảm 100 đồng/kg so với cuối tháng 11/2021, xuống còn 7.400 đồng/kg; cám vàng giảm 200 đồng/kg, xuống còn 7.450 đồng/kg. Tại An Giang, giá lúa tươi IR 50404 giảm 200 đồng/kg, xuống còn 5.400 đồng/kg; lúa tươi IR 50404 cũng giảm 500 đồng/kg, xuống còn 6.000 đồng/kg; lúa OM 5451 và Đài Thơm 8 cũng giảm 200 đồng/kg, dao động ở mức 5.600 – 6.000 đồng/kg. Như vậy, giá lúa gạo trong nước cuối năm 2021 thấp hơn 1.000 – 2.500 đồng/kg so với cuối năm 2020.

Tương tự, giá gạo trắng 5% tấm chào bán của Việt Nam trên thị trường quốc tế cũng giảm 25 USD/tấn so với cuối tháng trước,

xuống còn 395 – 405 USD/tấn, mức thấp nhất trong hơn 3 tháng qua do hoạt động thương mại diễn ra chậm dịp nghỉ lễ.

+ Mặt hàng cà phê: Với việc thiếu hụt lực lượng nhân công tăng cường thu hái và ảnh hưởng của bão số 9 cũng như áp thấp nhiệt đới do hoàn lưu bão vừa gây mưa trên diện rộng đã làm thu hoạch chậm hơn. Tại các vùng nguyên liệu trọng điểm Tây Nguyên, giá cà phê nhân xô tăng 2% (800 đồng/kg) so với tháng trước, lên mức 41.600 đồng/kg tính đến thời điểm cuối tháng 12/2021. Mức giá này đã tăng 20,6% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Mặt hàng hạt tiêu: Trong tháng 12/2021, giá tiêu đen tại các tỉnh Tây Nguyên tiếp tục giảm 5,8% (tương ứng 5.000 đồng/kg) so với cuối tháng 11, xuống còn 81.000 đồng/kg. Thị trường hạt tiêu trong nước chậm lại trong 2 tháng cuối năm do các đơn vị xuất khẩu đã đủ hàng sau khi giới đầu cơ chốt lời ở mức 90.000 đồng/kg vào cuối tháng 10/2021, trong khi nhu cầu từ Trung Quốc cuối năm cũng không mạnh như kỳ vọng. Tuy đã giảm trong quãng thời gian cuối năm, nhưng nhìn chung giá hạt tiêu trong cả năm 2021 vẫn cho thấy sự phục hồi so với các năm trước, mặt bằng giá cao nhất trong 4 năm qua do nguồn cung sụt giảm.

+ Mặt hàng cao su: Giá cao su trong nước tiếp tục giảm trong tháng 12/2021 do lo ngại nhu cầu tiêu thụ cao su thế giới sụt giảm do sự lây lan nhanh chóng của biến thể Omicron đang đe dọa tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Tính đến ngày 28/12, giá mủ cao su tại các nhà máy dao động ở mức 322 – 325 đồng/độ, giảm 3 – 4% so với cuối tháng trước và giảm đáng kể so với cuối năm 2020.

+ Mặt hàng thủy sản: Sau một thời gian ở mức thấp, giá cá tra nguyên liệu tại nhiều địa phương vùng ĐBSCL tăng bình quân 2.000 đồng/kg so với trước đó 1 tháng.

Tại TP Cần Thơ và những tỉnh có nuôi cá tra nguyên liệu phục vụ xuất khẩu tại vùng ĐBSCL như An Giang, Đồng Tháp, Bến Tre, cá tra thịt trắng đạt chuẩn xuất khẩu có giá 22.000-24.000 đồng/kg, trong khi trước đây chỉ ở mức 20.000 - 21.000 đồng/kg. Với mức giá này, cá tra đã tăng giá khoảng 14 – 15% so với thời điểm cuối năm ngoái.

Giá cá tra nguyên liệu tăng do được nhiều doanh nghiệp đẩy mạnh thu mua để chế biến xuất khẩu và chuẩn bị nguồn hàng phục vụ thị trường cuối năm dịp Tết Nguyên đán 2022. Bên cạnh đó, nguồn cung cá tra nguyên liệu tại nhiều địa phương giảm do người dân giảm nuôi góp phần tạo điều kiện cho giá tăng lên. Dự báo giá cá tra nguyên liệu có khả năng còn tăng lên trong thời gian tới do nhu cầu tiêu thụ tăng và nguồn cung có phần hạn chế.

Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 30/12/2021

Tên hàng	Ngày 30/12/2021 (đ/kg)	So với ngày 30/11/2021 (%)	So với cuối năm 2020 (%)
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	41.600	2,0	20,6
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	81.000	-5,8	50,0
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	24.000	2,1	14,3
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (15 - 25 con/kg)	200.000	0,0	0,0
Cá ngừ đại dương tại Phú Yên	125.000	8,7	38,9
Tôm sú nước mặn loại 40 con/kg tại Phú Yên	220.000	0,0	0,0
Tôm thẻ chân trắng tại Phú Yên	110.000	19,6	15,8
Cao su Lộc Ninh (đ/độ)	325	-3,0	-14,5
Cao su Phú Riềng (đ/độ)	323	-3,6	-15,0
Cao su Phước Hòa (đ/độ)	322	-4,2	-4,2
Cao su Đồng Nai	323	-3,0	-3,0
Giá gạo tại ĐBSCL			
Gạo nguyên liệu IR 504	7.700	0,0	-20,6
Gạo thành phẩm IR 504	8.550	-0,6	-22,3
Tấm gạo IR 504	7.400	-1,3	-26,0
Cám vàng	7.450	-2,6	9,6
Tại An Giang			
Nếp vỏ (tươi) 3 tháng	5.200	-1,9	
Nếp Long An (tươi)	5.600	1,8	-13,8
Lúa IR 50404	5.400	-3,6	-22,3
Lúa Đài thơm 8	6.000	-3,2	-16,7
Lúa OM 5451	5.600	-3,4	-20,0
Nàng Hoa 9	6.000	-3,2	
Lúa khô IR 50404	6.000	-7,7	-14,3
Lúa Nàng Nhen (khô)	12.000	0,0	

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

TIÊU THỤ NÔNG SẢN TẠI CÁC CỬA KHẨU

TIẾP TỤC ĐỐI MẶT VỚI NHIỀU SỨC ÉP

Trong thời gian qua, với những chính sách kiểm soát chặt chẽ hàng nông sản xuất nhập khẩu của Trung Quốc để thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19, hoạt động thông quan hàng nông sản qua các cửa khẩu biên giới với Trung Quốc chịu ảnh hưởng nặng nề, hàng nghìn xe container của Việt Nam bị ùn tắc tại các cửa khẩu. Trong khi đó, hiện vẫn còn một lượng lớn hàng nông sản đang tiếp tục được thu hoạch tại nhiều địa phương, đồng thời từ ngày 1/1/2022, Trung Quốc áp dụng Lệnh 248, Lệnh 249 và chủ trương quản lý chặt kinh tế biên mậu, thúc đẩy việc xuất nhập khẩu chính ngạch, sẽ càng gây sức ép lớn đến việc tiêu thụ nông sản trong thời gian tới.



Tại Lạng Sơn, phía Trung Quốc tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19, ảnh hưởng rất lớn đến năng lực thông quan tại các cửa khẩu. Lượng phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất khẩu tồn tại các bãi vẫn khá cao, trong khi năng lực thông quan xuất khẩu hàng hoá tại các cửa khẩu của tỉnh như: cửa khẩu Đồng Đăng, Hữu Nghị, Tân Thanh và Chi Ma đều giảm. Lượng xe thông quan tại các cửa khẩu chỉ dưới 100 xe/ngày/cửa khẩu và đa số là sản phẩm khô, rất ít hoa quả tươi. Theo thông tin từ Sở Công Thương Lạng Sơn, tính đến sáng ngày 3/1/2022, tại các cửa khẩu

Hữu Nghị, Tân Thanh và Chi Ma vẫn còn tồn 2.852 xe hàng hóa, chủ yếu là trái cây. Trong đó, cửa khẩu Hữu Nghị tồn 1.571 xe; cửa khẩu Chi Ma tồn 515 xe và cửa khẩu Tân Thanh tồn 766 xe. Với năng lực thông quan như hiện nay, để đưa hết số xe đang tồn tại các cửa khẩu sang biên giới thì cần khoảng 40 ngày.

Trong bối cảnh này, nhiều xe đã buộc phải quay đầu về tiêu thụ nội địa, đặc biệt là sau khi phía Bằng Tường (Trung Quốc) đã thông báo ngừng nhập khẩu thanh long Việt Nam từ 0 giờ ngày 29/12/2021 đến 24 giờ ngày 26/1/2022 nên nhiều xe thanh long đã quay đầu về tiêu thụ nội địa. Mặt khác, Trung Quốc cũng sẽ tạm dừng nhập khẩu hàng hóa trên container lạnh trong 28 ngày dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần, trong đó 14 ngày trước Tết và 14 ngày sau Tết. Trong bối cảnh hàng nghìn xe nông sản còn đang ùn tắc tại các cửa khẩu tỉnh Lạng Sơn thì các quyết định trên của Trung Quốc sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng tồn hàng nông sản của các địa phương trên cả nước.

Tại tỉnh Quảng Ninh, tình trạng ách tắc cũng xảy ra do các cửa khẩu trên địa bàn các tỉnh Lạng Sơn, Lào Cai thông quan khó khăn, các doanh nghiệp đưa hàng về cửa khẩu Móng Cái-Đông Hưng thông quan, dẫn đến nhu cầu thông quan tăng đột biến. Ngày 8/12/2021, thành phố Đông Hưng (Trung Quốc) tiếp tục siết chặt công tác phòng, chống dịch trong thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu như: xét nghiệm lái xe trung chuyển Việt Nam 1 lần/ngày, thực hiện nghiêm ngặt xét nghiệm, khử khuẩn phương tiện, bao bì, container từ Việt Nam sang và từ ngày 21/12/2021, Chính quyền thành phố Đông Hưng (Trung Quốc) có văn bản gửi UBND TP.Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, thông báo tạm dừng việc thông quan người và hàng hóa trên toàn tuyến biên giới khẩu

Đông Hưng - Móng Cái. Trước đó, từ ngày 25/11/2021, khống chế lượng hoa quả Việt Nam và Thái Lan nhập khẩu 50 container/ngày và từ 3/12/2021 hạn chế chỉ cho nhập khẩu 30 container/ngày (trong đó 20 container hoa quả Thái Lan quá cảnh và 10 container Việt Nam xuất khẩu).

Tình trạng quá tải tại các cửa khẩu ở Lạng Sơn cũng là nguyên nhân chính khiến lượng phương tiện chờ thông quan tại cửa khẩu Trà Lĩnh (Cao Bằng) ở mức cao trong những tuần gần đây do các doanh nghiệp chủ động liên hệ với phía đối tác Trung Quốc và chọn lối mở Nà Đòong, khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh làm điểm thông quan. Trong khi đó, phía Trung Quốc tăng cường biện pháp phòng, chống dịch bệnh, truy xuất nguồn gốc hàng hóa đã làm chậm tốc độ thông quan.

Hiện nay, nhiều vùng trọng điểm nông nghiệp trên cả nước đều đang bước vào vụ thu hoạch rộ các loại nông sản chủ lực phục vụ Tết Nguyên đán. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính đến hết quý I/2022, sản lượng thanh long cần tiêu thụ trên cả nước là 300.000 tấn; xoài 250.000 tấn, bưởi 140.000 tấn, mít 160.000 tấn, cam 130.000 tấn...

Trước tình hình căng thẳng tại các cửa khẩu, ngày 3/1/2022, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 58/VPCP-KTTH truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành về khắc phục tình trạng ùn tắc hàng hóa tại các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và các tỉnh biên giới phía Bắc. Công văn nêu rõ, xét đề nghị của UBND tỉnh Lạng Sơn về tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa, tình trạng ùn tắc nông sản xuất khẩu tại các cửa khẩu của tỉnh Lạng Sơn, yêu cầu các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Ngoại giao, Giao thông vận tải, Công an, Quốc phòng, Y tế, Thông tin và Truyền thông, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục thực hiện khẩn trương, nghiêm túc, đầy đủ ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 350 ngày 27/12/2021 về tháo gỡ khó khăn trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua các tỉnh biên

giới phía Bắc; đồng thời nghiên cứu, tiếp thu các kiến nghị của UBND tỉnh Lạng Sơn trong quá trình thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng và theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao để sớm khắc phục tình trạng ùn tắc hàng hóa tại các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và các tỉnh biên giới phía Bắc.

Trước đó, tại Thông báo số 350/TB-VPCP, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành đã yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương liên quan tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp với mục tiêu là giải phóng trong thời gian sớm nhất hơn 5.000 xe hàng hóa xuất khẩu đang ùn tắc tại các cửa khẩu biên giới trên địa bàn 2 tỉnh Lạng Sơn và Quảng Ninh.

Các địa phương chủ động tổ chức các hội nghị cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, nhà sản xuất, người dân để chủ động có phương án sản xuất, thu hoạch, bảo quản, đóng gói, vận chuyển và tiêu thụ phù hợp, hiệu quả. UBND các tỉnh, thành phố sản xuất nông sản phối hợp với các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khuyến cáo người dân, doanh nghiệp sản xuất theo nhu cầu thị trường, bảo đảm đáp ứng các quy trình, quy định, tiêu chuẩn của thị trường nhập khẩu từ khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, vận chuyển, truy xuất nguồn gốc để chuyển mạnh sang xuất khẩu chính ngạch đối với hàng nông sản.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng, các Bộ, ngành đang nỗ lực phối hợp với UBND các địa phương trong việc điều tiết việc đưa hàng lên biên giới phía Bắc, nhất là cửa khẩu đang ùn tắc, gồm cả trường hợp phía Trung Quốc đã thanh toán và đẩy mạnh trao đổi các biện pháp khẩn cấp nhằm tháo gỡ tình trạng ùn tắc hàng hóa tại khu vực biên giới với các cơ quan quản lý phía Trung Quốc; đồng thời khuyến cáo doanh nghiệp nên chuyển sang xuất khẩu chính ngạch, đẩy mạnh bán hàng qua thương mại điện tử cũng như xuất khẩu sang các cửa khẩu của các địa phương khác ngoài Lạng Sơn nhằm giảm tình trạng ùn tắc hàng hóa tại khu vực cửa khẩu biên giới phía Bắc.

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU



Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong năm 2021

ĐẠT KẾT QUẢ KHẢ QUAN

Trong tháng 12/2021, hoạt động xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản tiếp tục tăng tốc, đưa kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng như hạt điều, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ khép lại năm 2021 với kết quả vượt mục tiêu đặt ra. Theo số liệu ước tính, kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng nông, lâm, thủy sản chủ lực (gồm hạt tiêu, hạt điều, gạo, rau quả, thủy sản, cao su, cà phê, chè, sắn và các sản phẩm từ sắn, gỗ và sản phẩm gỗ) trong tháng 12/2021 đạt 4,16 tỷ USD, tăng 7% so với tháng trước và tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước.

Nếu so với tháng 11/2021, mức tăng trưởng của nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 12/2021 được đóng góp chủ yếu bởi các mặt hàng cao su, cà phê, gỗ

và sản phẩm gỗ. Trong đó, xuất khẩu cao su và cà phê ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực trong suốt cả năm 2021 và trở thành động lực tăng trưởng xuất khẩu chính của nhóm nông, lâm, thủy sản trong năm 2021.

Với kết quả này, tính chung trong cả năm 2021, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 42,8 tỷ USD, tăng 14,5% so với năm 2020 và chiếm 12,7% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Trong đó, nhiều mặt hàng đã và đang khai thác ngày càng hiệu quả các thị trường trên thế giới, nhất là các thị trường khó tính nhờ chiến lược mới, chú ý đến chất lượng và đi sâu vào chế biến. Đây là kết quả rất tích cực và càng có ý nghĩa trong bối cảnh nền

kinh tế đã chịu tác động nặng nề bởi dịch Covid-19 trong năm 2021, đặc biệt là giai đoạn giãn cách xã hội trong quý III/2021.

Trong đó, các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA đã được các doanh nghiệp tận dụng khá hiệu quả, góp phần đưa hoạt động xuất khẩu sang nhiều thị trường thành viên trong các Hiệp định đạt tốc độ tăng trưởng khả quan. Riêng trong 11 tháng

năm 2021, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sang Nhật Bản tăng 4% so với cùng kỳ năm trước, sang Canada tăng 9,8%; Australia tăng 7,3%; Đức tăng 18,6%; Pháp tăng 13%; Italia tăng 11%... Ngoài ra, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang nhiều thị trường chủ lực khác cũng ở mức cao như: Mỹ (tăng 23,3%); Trung Quốc (tăng 13%); Hàn Quốc (tăng 9,2%)...

Ước tính xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong năm 2021 (Lượng: Nghìn tấn; Trị giá: Triệu USD)

Mặt hàng chủ yếu	Năm 2021				So sánh (%)					
	Ước tính tháng 12		Ước tính 12 tháng		T12/21 so với T11/21		T12/21 so với T12/20		Năm 2021 so với năm 2020	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
Tổng kim ngạch xuất khẩu	34.517		336.250		8,3		24,8		19,0	
Nhóm nông, lâm, thủy sản	4.163		42.809		7,0		10,6		14,5	
<i>Tỷ trọng (%)</i>	12,1		12,7							
Thủy sản	900		8.888		-1,2		23,1		5,7	
Rau quả	270		3.523		3,3		-1,6		7,8	
Hạt điều	51	318	582	3.659	0,6	-3,7	1,3	7,0	13,2	13,9
Cà phê	130	305	1.523	2.998	21,0	26,2	-6,5	20,3	-2,7	9,4
Chè	11	20	126	213	7,6	12,4	-1,9	10,8	-6,7	-2,0
Hạt tiêu	15	71	261	938	-8,4	-7,1	-27,7	22,9	-8,5	42,0
Gạo	470	242	6.218	3.276	-17,0	-18,2	-14,0	-16,9	-0,5	5,0
Sắn và các sản phẩm từ sắn	280	124	2.893	1.189	1,4	-2,2	-26,7	-12,7	3,0	17,5
- Sắn	67	30	839	230	122,5	254,5	-10,6	176,1	29,2	62,2
Cao su	270	464	1.975	3.313	27,8	29,9	19,4	28,8	12,9	39,0
Gỗ và sản phẩm gỗ	1.450		14.812		13,9		8,3		19,7	
- Sản phẩm gỗ	1.085		11.071		18,5		3,6		16,1	

Nguồn: Số liệu ước tính Liên bộ (gồm: Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan)

Trong năm qua, nhiều mặt hàng đã đạt tốc độ tăng trưởng ở mức hai con số gồm: Hạt tiêu, hạt điều, cao su, sắn, gỗ và sản phẩm gỗ. Trong khi đó, mặc dù đối mặt với rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 cũng như các rào cản

thương mại của các nước đối tác, đặc biệt là Trung Quốc, tuy nhiên xuất khẩu thủy sản và rau quả đã lấy lại đà tăng trưởng sau khi giảm sút trong năm trước đó, lần lượt tăng 5,7% và 7,8% so với năm 2020.

Đối với mặt hàng gạo, Việt Nam đặt mục tiêu xuất khẩu 6,5 triệu tấn gạo trong năm 2021. Tuy nhiên, đợt dịch Covid-19 lần thứ tư diễn biến phức tạp đã khiến chuỗi cung ứng, tiêu thụ gạo bị gián đoạn, đặc biệt là trong giai đoạn quý III/2021.

Do đó, mặc dù doanh nghiệp ngành gạo đã đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ trong tháng cuối năm, nhưng tổng lượng gạo xuất khẩu trong cả năm 2021 ước đạt 6,22 triệu tấn, trị giá hơn 3,28 tỷ USD, giảm 0,5% về lượng nhưng tăng 5% về trị giá so với năm 2020.

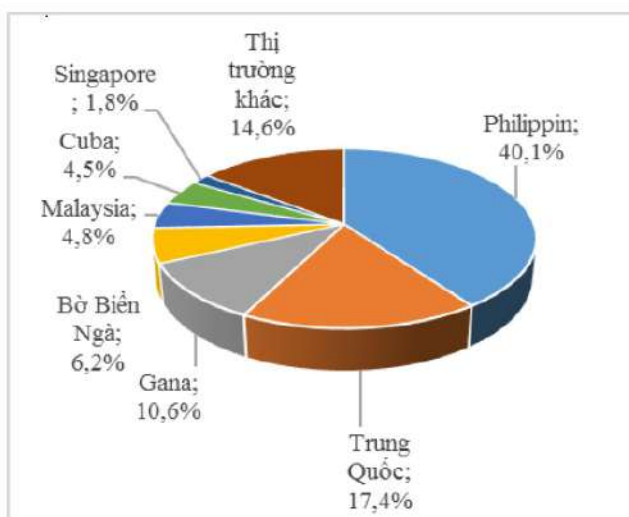
Giá xuất khẩu gạo bình quân trong năm 2021 đạt 527 USD/tấn, tăng 5,5% so với năm trước. Nếu so với mục tiêu thì lượng

gạo xuất khẩu của năm 2021 thấp hơn khoảng 4,3%

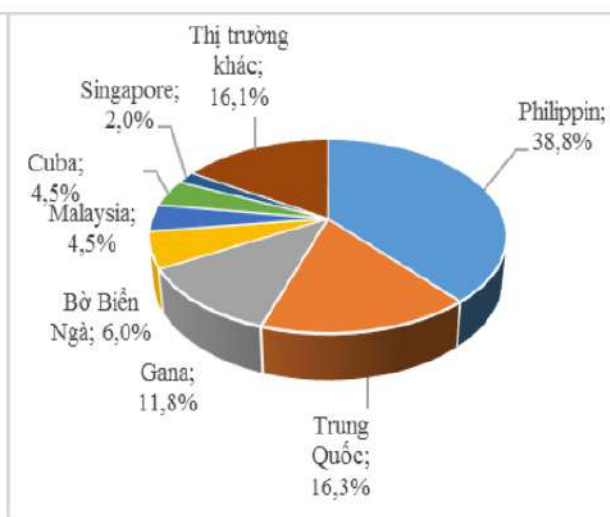
Trong chiến lược phát triển ngành lúa gạo từ nay đến 2030, Việt Nam đặt mục tiêu giảm sản lượng và tăng giá trị, tức là giảm số lượng gạo xuất khẩu nhưng giá trị kim ngạch xuất khẩu gạo lại tăng.

Như vậy, xu hướng tăng của giá gạo nhưng giảm nhẹ về lượng trong năm qua cho thấy xuất khẩu gạo của Việt Nam đang đi đúng hướng. Trong năm 2021, giá nhiều chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam ở mức cao nhất trong các nước xuất khẩu gạo truyền thống, góp phần quan trọng trong việc bù đắp lượng gạo xuất khẩu bị giảm sút do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo trong 11 tháng 2021 (tính theo lượng)



Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo trong 11 tháng 2020 (tính theo lượng)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong năm 2021, cao su là mặt hàng đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong nhóm nông, lâm, thủy sản với tổng lượng xuất khẩu ước đạt 1,98 triệu tấn, trị giá 3,31 tỷ USD, tăng 12,9% về lượng và tăng 39% về trị giá so với năm 2020. Giá xuất khẩu cao su bình quân trong năm 2021 ước đạt 1.678 USD/tấn, tăng tới 23,1% so với năm 2020. Kết quả này đã đánh dấu một năm thành công cả về lượng và giá xuất khẩu của mặt hàng cao su, đưa kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này lên mức cao kỷ lục và

vượt mốc 3 tỷ USD.

Cùng với việc giá cao su xuất khẩu tăng mạnh, thành công của xuất khẩu cao su trong năm 2021 còn đến từ việc cao su Việt Nam đã ngày càng thâm nhập sâu hơn vào nhiều thị trường quan trọng. Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất của cao su Việt Nam. Riêng trong 11 tháng năm 2021, Việt Nam xuất khẩu cao su sang Trung Quốc đạt 1,2 triệu tấn, trị giá 1,96 tỷ USD, tăng 1,7% về lượng và tăng 26,3% về trị giá so với cùng kỳ năm

2020, chiếm 68,9% trên tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam. Bên cạnh Trung Quốc, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong năm 2021 tăng trưởng mạnh tới nhiều thị trường khác như Mỹ, EU, Hàn Quốc, Ấn Độ, Sri Lanka, Nga, Canada...

Trong bối cảnh sản lượng cao su toàn cầu đang có xu hướng giảm do diện tích giảm và ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, trong khi nhu cầu tiêu thụ cao su toàn cầu vẫn ở mức cao nhằm phục vụ hoạt động sản xuất đang hồi phục rõ nét, dự kiến giá cao su xuất khẩu trong năm 2022 sẽ duy trì ở mức cao, thậm chí sẽ tiếp tục tăng trong giai đoạn nửa cuối năm 2022.



Một số thị trường xuất khẩu cao su trong 11 tháng năm 2021

Thị trường	11 tháng năm 2021		So với 11 tháng năm 2020 (%)		Tỷ trọng (%)
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	
Tổng	1.704.804	2.848.771	11,9	40,8	100
Trung Quốc	1.206.306	1.962.728	1,7	26,3	68,90
Ấn Độ	104.743	186.554	96,7	148,5	6,55
Hàn Quốc	42.136	77.056	50,9	82,8	2,70
Mỹ	39.055	65.851	63,8	98,6	2,31
Đài Loan	34.546	62.487	23,7	59,8	2,19
Đức	33.742	61.756	70,6	115,3	2,17
Thổ Nhĩ Kỳ	28.936	53.120	41,7	79,9	1,86
Sri Lanka	23.783	43.658	186,5	279,7	1,53
Indonesia	19.500	34.331	53,1	90,6	1,21
Nga	17.299	30.281	226,8	323,8	1,06
Pakistan	14.536	24.954	71,9	123,2	0,88
Italia	14.322	25.185	69	114,9	0,88
Tây Ban Nha	12.711	21.989	48,8	98,7	0,77
Braxin	11.379	18.560	12,3	49,9	0,65
Nhật Bản	9.997	19.450	5,8	37,7	0,68
Hà Lan	9.741	16.519	13	44,8	0,58
Canada	7.214	15.306	61,7	126,5	0,54

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong năm 2022, hoạt động xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh tình hình dịch Covid-19 diễn biến khó lường với sự xuất hiện của các biến

thể virus mới; xu hướng tăng cường các hàng rào phi thuế quan tại nhiều đối tác thương mại; sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường thế giới, đặc biệt là đối với các mặt hàng gạo, rau quả hay thủy sản.

Trong khi đó, thị trường xuất khẩu nông, thủy sản hàng đầu của Việt Nam là Trung Quốc tiếp tục áp dụng hàng loạt các biện pháp kiểm soát nhập khẩu, đặc biệt là siết chặt nhập khẩu tiểu ngạch. Từ ngày 1/1/2022, Tổng cục Hải quan Trung Quốc chính thức áp dụng Lệnh 248 và 249, khiến tiêu chuẩn hàng hóa nhập khẩu vào Trung Quốc ngày càng khắt khe và không còn “dễ tính” như trước, hoạt động xuất khẩu tiểu ngạch qua đường biên mậu sẽ thu hẹp, các doanh nghiệp buộc phải xây dựng tiêu chuẩn, thay đổi cách thức sản xuất để đáp ứng các yêu cầu mới có thể tiếp tục duy trì xuất khẩu ổn định sang thị trường này.

Tuy nhiên, kết quả tích cực của hoạt động xuất khẩu nông, lâm, thủy sản được

kỳ vọng sẽ là động lực, nền tảng để thúc đẩy xuất khẩu nhóm hàng này duy trì đà tăng trưởng tích cực trong năm 2022. Bên cạnh đó, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản trong năm 2022 cũng sẽ tiếp tục được hỗ trợ nhờ thuận lợi về diễn biến giá xuất khẩu của nhiều mặt hàng, cùng với các FTA thế hệ mới đã qua giai đoạn thực thi ban đầu, chuyển sang giai đoạn doanh nghiệp tận dụng tốt hơn ưu đãi mang lại để đẩy mạnh xuất khẩu.

Đáng chú ý, Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) với 15 nước và quy mô GDP tới 26.200 tỷ USD có hiệu lực từ 1/1/2022 cũng sẽ là một trong những động lực lớn của xuất khẩu nhóm hàng này trong năm 2022.

XUẤT KHẨU RAU QUẢ VÀ THỦY SẢN GẶP KHÓ BỞI CÁC CHÍNH SÁCH KIỂM SOÁT DỊCH COVID-19 CỦA TRUNG QUỐC



Sau khi giảm liên tiếp trong 3 tháng từ tháng 8 đến tháng 10 so với cùng kỳ năm 2020, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong tháng 11/2021 đã tăng trở lại với mức tăng 20,5% so với tháng trước đó và tăng 3,6% so với tháng 11/2020, đạt 873,45 triệu USD.

Tính chung 11 tháng, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đạt 8,13 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2020.

11 tháng năm 2021, ngoại trừ kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc giảm 21,6%, các mặt hàng còn lại đều đạt mức tăng trưởng khá cao. Trong đó, có 3 mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đạt trên 1 tỷ USD trong 11 tháng năm 2021 là cao su, rau quả, gỗ và sản phẩm gỗ.



Mặc dù vậy, việc theo đuổi chính sách “Zero Covid-19” của Trung Quốc đang gây ra rất nhiều khó khăn cho nông sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này, đặc biệt là mặt hàng rau quả.

Trong suốt tháng 12/2021, tình trạng hàng hoá ùn ứ tại các cửa khẩu biên giới phía Bắc liên tục diễn ra. Tính đến ngày 25/12, Quảng Ninh còn 1.555 xe, Lạng Sơn 4.204 xe, 80% trong số này là xe chở nông sản, trái cây có đặc tính dễ hư hỏng.

Năng lực thông quan tại các cửa khẩu biên giới phía Bắc rất chậm. Như tại Lạng Sơn, một ngày chỉ thông quan được 88 xe hàng qua hai cửa khẩu Hữu Nghị, Chi Ma. Cửa khẩu Tân Thanh hiện vẫn tạm dừng thông quan.

Hàng nghìn xe ùn ứ tại các cửa khẩu Lạng Sơn đang khiến tình này gặp áp lực rất lớn về bố trí chỗ đỗ phương tiện, ăn ở, sinh hoạt cho hàng vạn người và các vấn đề an ninh trật tự, môi trường...

Việc Trung Quốc tăng cường kiểm soát, phòng chống dịch ở các cửa khẩu bằng cách khử khuẩn xe và hàng, phải trung chuyển lái xe ở cửa khẩu... khiến tốn nhiều thời gian thông quan hơn, gây ra tình trạng ùn ứ hàng hóa.

Mặc dù các Bộ, địa phương biên giới đã liên tục có các khuyến cáo về tình hình ùn tắc tại các khu vực cửa khẩu, nhưng các thương nhân vẫn tiếp tục đưa hàng lên cửa khẩu dẫn đến tình trạng ùn tắc ngày càng nghiêm trọng hơn.

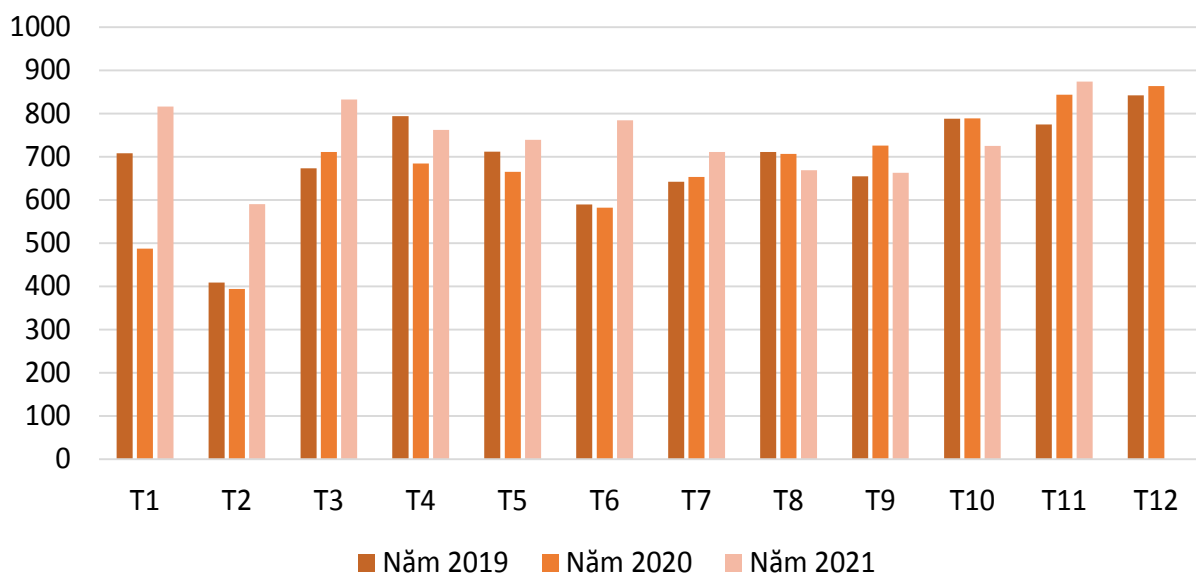
Không chỉ có đường bộ, xuất khẩu qua cảng biển sang Trung Quốc cũng đang



không được thuận lợi do các thủy thủ, nhân viên hải quan Trung Quốc sẽ về quê nghỉ Tết và bị cách ly nên các hãng tàu, cửa khẩu thiếu lao động sẽ tạm nghỉ trong 3-6 tuần và sẽ không thể nhận hàng.

Trong bối cảnh xuất khẩu hàng hóa sang Trung Quốc ùn tắc cả ở cảng biển và cửa khẩu, Việt Nam cần mở rộng thị trường xuất khẩu, giảm bớt phụ thuộc vào thị trường truyền thống, tiến tới chấm dứt hoạt động thương mại đường mòn, lối mở. Đồng thời, đẩy mạnh tiêu thụ tại thị trường nội địa.

Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Trung Quốc năm 2019-2021 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong tháng 11 và 11 tháng năm 2021

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 11/2021		So với tháng 11/2020 (%)		11 tháng năm 2021		So với 11 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng kim ngạch	873.448		3,6		8.126.910		13,0	
Cao su	159.239	266.883	-8,9	0,3	1.206.306	1.962.728	1,7	26,3
Hàng rau quả	124.914		-12,3		1.754.546		3,6	
Gỗ và sản phẩm gỗ	132.625		49,4		1.367.330		26,6	
Sắn và các sản phẩm từ sắn	262.841	120.368	1,8	22,7	2.444.202	994.241	10,3	25,5
Hàng thủy sản	120.452		5,5		862.792		-21,6	
Hạt điều	8.877	60.536	-15,0	-15,4	77.178	563.080	10,0	24,8
Gạo	75.830	34.866	-19,9	-33,1	999.860	494.718	32,9	14,6
Cà phê	4.437	12.197	31,2	29,8	48.370	113.757	42,0	40,7
Chè	457	607	-6,9	-28,8	8.722	13.718	20,1	28,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng rau quả: Tình hình xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc được dự báo là sẽ còn khó khăn từ nay cho đến Tết âm lịch và thậm chí có thể kéo dài trong năm 2022 nếu Trung Quốc vẫn duy trì chính sách Zero Covid như hiện nay.

Trong tuần cuối tháng 12/2021, Cơ quan Kiểm soát phòng chống dịch Thành phố Bằng Tường (Trung Quốc) đã có thông báo sẽ tạm ngưng nhập khẩu mặt hàng thanh long của Việt Nam trong 4 tuần do phát hiện có virus COVID-19, thời gian từ ngày 29/12 đến ngày 20/1/2022 và tự động khôi phục hoạt động trở lại sau khi hết thời hạn nói trên.

Hiện nay, thanh long đang chiếm gần một nửa kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc với kim ngạch đạt hơn 837 triệu USD trong 11 tháng năm 2021, giảm 13,7% so với cùng kỳ năm 2020. Ngoài ra, Trung Quốc cũng giảm nhập khẩu nhãn và sầu riêng của Việt Nam trong năm 2021.

Nhưng ngược lại, thị trường này tăng mạnh nhập khẩu chuối, xoài, mít, dưa hấu, vải, dứa... từ Việt Nam, đặc biệt là



chanh leo (tăng 49 lần về kim ngạch) và Macadamia (tăng 317,7%).

Bên cạnh đó, những sản phẩm chế biến từ rau quả cũng được Trung Quốc đẩy mạnh nhập khẩu trong 11 tháng năm 2021 như: sản phẩm chế biến từ trái cây tăng 122,3%, chanh leo chế biến tăng 102%...

Trong bối cảnh tình hình thị trường Trung Quốc như hiện nay, các chuyên gia trong ngành rau quả khuyến cáo các doanh nghiệp xuất khẩu trái cây của Việt Nam cần cân đối lại sản lượng. Nếu đã có khách hàng, thị trường khác ngoài Trung Quốc thì nên mở rộng, còn nếu chỉ phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc thì phải tính toán lại, nhất là với các loại trái cây có thể tác động để sản xuất trái vụ như xoài, thanh long thì giảm bớt sản lượng từ 30 - 50% so với trước để tránh bị thiệt hại.

Một số mặt hàng rau quả và sản phẩm chế biến từ rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong 11 tháng năm 2021

Chủng loại	11 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2020 (%)
Quả	1.523.227	3,2
Thanh long	837.018	-13,7
Chuối	191.151	48,5
Xoài	175.707	21,2
Mít	156.036	59,5
Dứa hấu	48.538	52,7
Vải	43.136	41,6
Dừa	30.531	20,2
Nhãn	14.093	-23,5
Sầu riêng	10.750	-4,0
Chanh leo	6.818	4.838,4
Sản phẩm chế biến	225.158	32,0
Trái cây	48.891	122,3
Chanh leo	37.550	102,0
Hạt dẻ cười	34.249	77,7
ớt	24.936	3,2
Hạnh nhân	17.154	-5,5
Mít	13.206	1,2
Xoài	11.828	-51,8
Dừa	8.240	86,6
Nhãn	5.009	375,7
Rau củ	7.934	-82,0
ớt	4.551	-69,6
Đỗ đỏ	1.687	-38,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Đối với hàng thủy sản: Trong năm 2021, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc liên tục sụt giảm do việc kiểm soát chặt thủy sản đông lạnh nhập khẩu tại các cảng chính của Trung Quốc, gây tắc nghẽn và tổn kém cho các nhà nhập khẩu nước này, ảnh hưởng đến lợi nhuận và nhu cầu của nhà nhập khẩu và cả các công ty xuất khẩu Việt Nam.

Trong khi đó, đợt bùng phát COVID-19 ở Việt Nam từ tháng giữa tháng 7/2021 khiến xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc giảm sâu trong quý III năm nay.

Ngoài ra, ngành sản xuất và xuất khẩu thủy sản Trung Quốc bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 nên dường như nước này cũng muốn bảo hộ cho các sản phẩm thủy sản nội địa, nên tìm cách hạn chế nhập khẩu. Trung Quốc cũng đã và đang tăng cường truyền thông để người dân sử dụng sản phẩm của Trung quốc.

Tính từ đầu năm 2021 đến hết tháng 11/2021, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc đã giảm 21,6% so với cùng kỳ năm 2020, xuống còn 862,79 triệu USD. Trong đó, kim ngạch

xuất khẩu cá tra, basa sang thị trường này giảm 23,7%, đạt 351,18 triệu USD; tôm các loại giảm 23,5%, đạt 298,77 triệu USD; cá khô giảm 32,4%...

Tuy nhiên, Trung Quốc lại tăng nhập khẩu của một số mặt hàng như mực, mắm, ốc, cá ngừ.

Về triển vọng xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc năm 2022, xu hướng thị trường được dự báo sẽ vẫn tiếp tục bị

tác động bởi các yếu tố trong năm 2021 như chính sách Zero Covid khiến các địa phương ngày càng siết chặt việc kiểm soát hàng nhập khẩu cả biên mậu lẫn chính ngạch.

Các nhà hàng Trung Quốc cũng không còn giai đoạn sẵn sàng tiếp nhận cá tra như giai đoạn trước mà chuyển sang xem xét thay cá tra với các lựa chọn cá nội địa tại Trung Quốc.

Một số chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong 11 tháng năm 2021

Chủng loại	11 tháng năm 2021			So với 11 tháng năm 2020 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Cá tra, basa	180.317	351.180	1.948	-35,1	-23,7	17,5
Tôm các loại	46.350	298.774	6.446	-6,4	-23,5	-18,2
Cá khô	38.068	72.188	1.896	-24,7	-32,4	-10,3
Surimi	23.380	49.302	2.109	-1,9	4,5	6,5
Mực các loại	17.222	39.360	2.285	37,4	17,0	-14,8
Cua các loại	6.316	43.391	6.870	2,9	-15,9	-18,3
Cá đông lạnh	4.389	5.678	1.294	-55,8	-69,8	-31,7
Mắm	822	1.368	1.665	23,9	34,8	8,7
Ruốc	598	718	1.200	-21,3	-42,7	-27,2
ốc các loại	430	1.678	3.902	447,4	1.135,5	125,7
Cá ngừ các loại	400	2.425	6.066	20,5	65,2	37,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Các mặt hàng nông sản khác: Trong khi xuất khẩu rau quả và thủy sản sang Trung Quốc được dự báo sẽ có nhiều khó khăn trong thời gian tới, thì các mặt hàng nông sản khác như: Gạo, cao su, cà phê, hạt điều lại có triển vọng khá tích cực.

Với mặt hàng gạo, hiện nay bên cạnh chủng loại gạo nếp được xuất khẩu thường xuyên sang Trung Quốc, nước này cũng đang tăng rất mạnh nhập khẩu gạo đặc sản ST24 của Việt Nam.

Còn với cà phê, hiện nay, trà vẫn đang là thức uống truyền thống của Trung Quốc, tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ cà phê của nước này vẫn đang tiếp tục tăng, đặc biệt

là ở các khu vực thành phố phát triển. Tại thị trường Trung Quốc, cà phê hòa tan đang chiếm một thị phần lớn nhờ vào sự tiện lợi trong việc sử dụng. Bên cạnh đó, xã hội phát triển, lối sống thay đổi và sự chấp nhận các xu hướng văn hóa mới của người tiêu dùng Trung Quốc cũng góp phần làm tăng nhu cầu tiêu thụ cà phê hòa tan tại nước này.

Hàng năm, tiêu thụ cà phê của thị trường Trung Quốc tăng trưởng bình quân từ 10 – 15%. Mặc dù Trung Quốc là nước gánh chịu hậu quả nặng nề từ đại dịch Covid-19, nhưng điều này không làm giảm nhu cầu tiêu thụ cà phê của người tiêu dùng.

TẬN DỤNG FTA ĐỂ THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN



Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong 11 tháng năm 2021 đạt 2,92 tỷ USD, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2020.

Đáng chú ý, sau khi sụt giảm trong quý III do ảnh hưởng bởi đợt bùng phát dịch COVID-19 tại Việt Nam, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản đã phục hồi mạnh trở lại trong quý IV.

Mặc dù xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản tăng trong 11 tháng năm 2021, nhưng nhìn chung vẫn chưa tương xứng với tiềm năng.

Hiện nay, Việt Nam và Nhật Bản đang là thành viên của 3 hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương, đa phương, bao gồm: Hiệp định Đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP) và Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

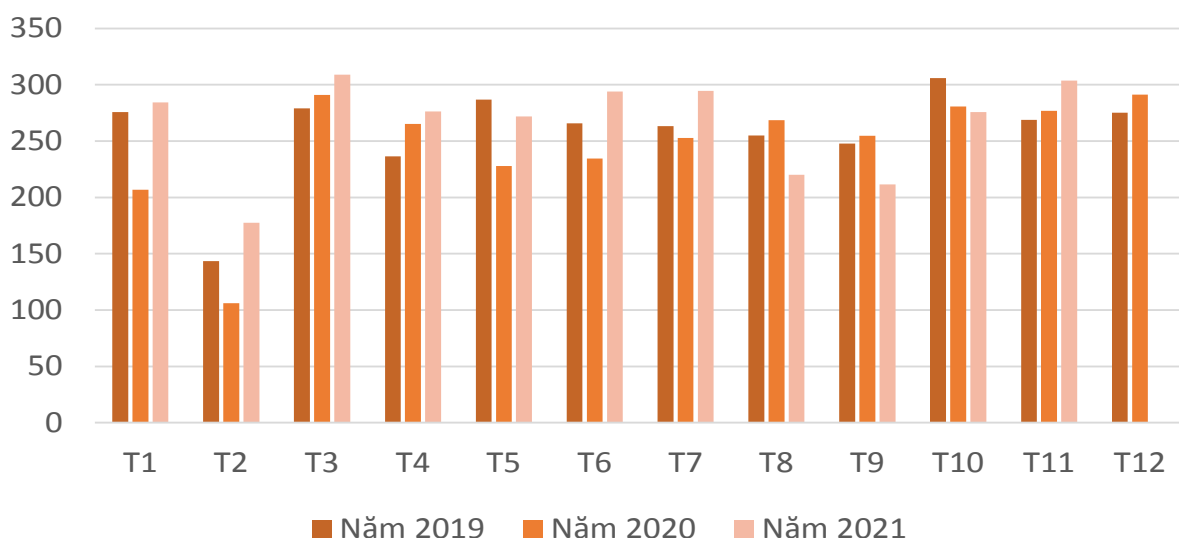
Việc hai nước cùng tham gia những hiệp định này tạo rất nhiều cơ hội và điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng hợp tác thương mại song phương trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt khi cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Nhật Bản không cạnh tranh mà bổ sung cho nhau.

Nhật Bản hiện có nhu cầu nhập khẩu nhiều mặt hàng như cá, sản phẩm chế biến từ cá, tôm, lươn, thịt và những sản phẩm từ thịt, đậu nành, sản phẩm từ ngũ cốc, rau quả. Tỷ trọng của nhóm hàng nông thủy sản – thực phẩm nhập khẩu chiếm xấp xỉ 10% tổng trị giá nhập khẩu các loại hàng hóa.

Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng và yếu tố thuận lợi để đẩy mạnh xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường này trong thời gian tới.

Tuy nhiên, việc thâm nhập vào thị trường này cũng không dễ dàng bởi Nhật Bản là quốc gia có các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm nghiêm ngặt, tạo thành hàng rào phi thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu vào Nhật Bản.

Kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản năm 2019- 2021 (ĐVT: nghìn USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 11 tháng năm 2021, gỗ và sản phẩm gỗ tiếp tục dẫn đầu về kim ngạch trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản với 1,29 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản cũng tăng 15,3%

so với cùng kỳ năm 2020, rau quả tăng 21,5%, hạt điều tăng 41,2%, cao su và hạt tiêu tăng 37,7 và 41,2%..

Ở chiều ngược lại, kim ngạch thủy sản xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản giảm 7,1% xuống còn 1,21 tỷ USD.

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong tháng 11 và 11 tháng năm 2021

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 11/2021		So với tháng 10/2021 (%)		So với tháng 11/2020 (%)		11 tháng năm 2021		So với 11 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng kim ngạch	303.807		10,1		10,1		2.924.591		4,0	
Gỗ và sản phẩm gỗ	135.095		11,6		11,6		1.289.537		11,2	
Hàng thủy sản	136.400		13,8		13,8		1.211.447		-7,1	
Cà phê	5.923	13.579	-2,3	-3,8	-0,1	-3,8	98.456	196.414	1,8	15,3
Hàng rau quả	10.276		-20,5		-20,5		143.590		21,5	
Hạt điều	708	5.041	-3,8	5,7	43,6	5,7	8.059	53.841	39,0	41,2
Cao su	903	1.728	-9,4	-6,7	-23,1	-6,7	9.997	19.450	5,8	37,7
Hạt tiêu	451	1.688	25,6	35,1	9,5	35,1	3.335	10.000	-4,2	47,4
Sắn và các sản phẩm từ sắn							529	311	-80,7	-75,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng thủy sản:

Trong 11 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hai mặt hàng thủy sản chủ lực của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản là tôm các loại và cá đông lạnh giảm lần lượt là 3,9% và 12,6% so với cùng kỳ năm 2020, đạt lần lượt là 528,67 triệu USD và 372,11 triệu USD.

Đối với tôm, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản giảm ảnh hưởng bởi đợt bùng phát dịch COVID-19 tại các tỉnh, thành phố phía Nam, nơi tập trung các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu tôm.

Tuy nhiên, từ tháng 10/2021 trở đi, xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản đã tăng trở lại sau khi Việt Nam dỡ bỏ các biện pháp giãn cách xã hội. Các doanh nghiệp từng bước phục hồi sản xuất để đáp ứng nhu cầu thị trường tăng cao trong dịp cuối năm.

Nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Nhật Bản thường đạt mức cao nhất là vào tháng 12 và tháng 1 hàng năm. Đây là thời điểm nhu cầu tiêu dùng những sản phẩm thủy sản có trị giá cao để phục vụ ngày Lễ đầu năm mới ở Nhật Bản. Đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 tại Nhật Bản đã được kiểm soát, các sản phẩm tôm sú cỡ lớn của Việt Nam sẽ có cơ hội để tăng thị phần trong thời gian này. Tuy nhiên các sản phẩm tôm của Việt Nam sẽ phải cạnh tranh mạnh với tôm của Indonesia và Ấn Độ.

Còn theo số liệu từ cơ quan Hải quan Nhật Bản, 10 tháng năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 5 cho Nhật Bản, đạt hơn 111.000 tấn với trị giá 94,94 tỷ JPY, tương đương 840 triệu USD; tăng 1,1% về lượng nhưng giảm 2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Một số chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong 11 tháng năm 2021

Chủng loại	11 tháng năm 2021			So với 11 tháng năm 2020 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Tôm các loại	56.896	528.666	9.292	-3,8	-3,9	-0,1
Cá đông lạnh	50.639	372.115	7.348	-11,1	-12,6	-1,7
Mực các loại	6.089	55.059	9.042	-14,9	-12,6	2,7
Bạch tuộc các loại	5.379	46.643	8.672	-0,7	-0,3	0,5
Cua các loại	1.868	41.165	22.041	-10,9	-7,5	3,8
Surimi	16.731	36.896	2.205	29,2	30,4	1,0
Trứng cá	2.177	33.919	15.578	-4,8	-10,5	-6,0
Cá ngừ các loại	4.092	23.288	5.691	-12,2	-10,7	1,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng rau quả:

Nhật Bản là thị trường xuất khẩu rau quả tiềm năng của Việt Nam khi đây là một trong 10 thị trường nhập khẩu hàng rau quả lớn trên thế giới. Đặc biệt, với số lượng người Việt Nam sinh sống và làm việc tại Nhật Bản tăng nhanh qua từng năm, cùng với đó là sự đổi mới trong thị hiếu tiêu dùng của người dân Nhật Bản, các mặt hàng rau quả Việt Nam được đánh giá có nhiều tiềm năng để thâm nhập vào thị trường này.

Trong 11 tháng năm 2021, rau quả chế biến vẫn chiếm phần lớn kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản. Trong đó, riêng trái cây chế biến xuất khẩu sang thị trường này tăng gấp 3,4 lần so với cùng kỳ năm 2020.

Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu trái cây tươi như xoài, chuối, thanh long, sầu riêng, dứa, vải sang thị trường này cũng tăng rất mạnh trong 11 tháng năm 2021.

Hiện nay, nhu cầu của Nhật Bản đối với các loại quả tươi này là rất lớn, nhưng sản xuất trong nước chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ. Do đó đây là thị trường nhiều tiềm năng đối với ngành rau quả Việt Nam.

Tuy nhiên, Nhật Bản là quốc gia có yêu cầu cao về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Đây là thách thức đối với

ngành hàng rau quả của Việt Nam.

Theo các quy định của Nhật Bản, các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm rau quả được yêu cầu rất cao, đòi hỏi về tiêu chuẩn chất lượng và dư lượng hóa chất nông nghiệp. Nếu bị phát hiện có các dư lượng vượt quá mức cho phép, sau đó các sản phẩm này sẽ bị giám sát rất chặt chẽ.

Mặt hàng rau quả và sản phẩm chế biến từ rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong 11 tháng năm 2021

Tên hàng	11 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2020 (%)
Sản phẩm chế biến	75.592	10,4
Trái cây	18.437	240,5
Cà tím	15.481	-10,2
Khoai lang	9.357	33,9
Khoai tây	4.396	-21,5
Hoa	35.761	16,8
Hoa cúc	29.896	17,9
Trái cây	34.148	73,4
Xoài	6.250	26,5
Chuối	5.952	65,4
Thanh long	4.908	42,7
Rau củ	33.647	15,0
Khoai lang	7.816	-1,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

TIỀN GIANG PHẤN ĐẤU KIM NGẠCH XUẤT KHẨU CÁC SẢN PHẨM NÔNG, LÂM, THỦY SẢN ĐẠT 1,1 TỶ USD NĂM 2030

Tiền Giang là tỉnh có diện tích và sản lượng trái cây lớn nhất nước, chiếm 8% so với tổng diện tích cây ăn trái của cả nước; hầu hết các loại cây trồng đều được bố trí phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu, thủy văn theo từng vùng sinh thái nên cho năng suất, sản lượng cao, chất lượng tốt. Hiện tỉnh đã định hình được những vùng chuyên canh cây ăn quả đặc sản tập trung mang tính hàng hóa lớn như: dứa (khóm) trên 16.000 ha, sầu riêng 9.200 ha, thanh long khoảng 6.000 ha, xoài trên 4.000 ha, vú sữa trên 3.000 ha... Từ đó, góp phần cung ứng nguồn nông sản lớn đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

Toàn tỉnh có diện tích khoảng 70.000 ha vườn cây ăn trái, hàng năm cho sản lượng trên 1 triệu tấn, với các loại trái cây nổi tiếng như: xoài cát Hòa Lộc, vú sữa Lò rên Vĩnh Kim; khóm Tân Phước; thanh long Chợ Gạo, sầu riêng Ngũ Hiệp, sơ ri Gò Công, bưởi Long Cổ Cò. Trong đó thanh long Chợ Gạo và khóm Tân Phước có vùng chuyên canh với diện tích và sản lượng lớn có khả năng cung ứng hàng hóa với số lượng lớn cho tiêu thụ tươi, chế biến và xuất khẩu.



Ngoài các loại trái cây đặc sản đã có thương hiệu, Tiền Giang còn các loại trái cây khác như: cam sành, nhãn, chôm chôm, ca cao. Việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) đã và đang được áp dụng trong sản xuất thanh long, khóm, xoài cát Hòa Lộc, vú sữa Lò Rên Vĩnh Kim...

Vừa qua, UBND tỉnh Tiền Giang đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định 174/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đến năm 2030. Theo đó, mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm nông lâm thủy sản của tỉnh đạt khoảng 700 triệu USD. Trong đó, nhóm nông sản chính đạt 230 triệu USD, thủy sản đạt 450 triệu USD, các mặt hàng nông, lâm, thủy sản khác đạt khoảng 20 triệu USD; Khoảng 20% sản phẩm nông, lâm, thủy sản của tỉnh xuất khẩu được gắn thương hiệu quốc gia, địa phương; 50% sản phẩm truy xuất được nguồn gốc.

Mục tiêu đến năm 2030, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm nông lâm thủy sản của tỉnh đạt khoảng 1,1 tỷ USD. Trong đó, nhóm nông sản chính đạt 390 triệu USD, thủy sản đạt 660 triệu USD, các mặt hàng nông, lâm, thủy sản khác đạt khoảng 50 triệu USD; Khoảng 30% sản phẩm nông lâm thủy sản của tỉnh xuất khẩu được gắn thương hiệu quốc gia, địa phương; 70% sản phẩm truy xuất được nguồn gốc.

Tỉnh Tiền Giang đề ra mục tiêu đến năm 2025 hỗ trợ xây 110 chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp nhằm khắc phục tình trạng làm ăn manh mún.

Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tỉnh Tiền Giang hình thành hai vùng sản xuất lúa tập trung, gồm vùng trồng lúa chất lượng cao ở các huyện, thị xã phía Tây có tổng diện tích 31.100 ha, sản lượng khoảng 600.000 tấn lúa/năm ở các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước.

Vùng trồng lúa đặc sản ở các huyện, thị xã phía Đông có tổng diện tích 23.500 ha, sản lượng khoảng 250.000 tấn lúa/năm, chủ yếu ở hai huyện ven biển là Gò Công Đông và Gò Công Tây.

Đến nay, Tiền Giang hình thành được 93 mô hình liên kết sản xuất-tiêu thụ nông sản. Trên lĩnh vực trồng trọt có 80 mô hình với diện tích 13.000 ha, sản lượng

121.800 tấn/năm; lĩnh vực chăn nuôi hình thành 10 mô hình, quy mô 1,2 triệu con; lĩnh vực thủy sản có 3 mô hình, diện tích 282 ha, sản lượng 4.100 tấn.

Trong giai đoạn 2021-2025, để thúc đẩy phát triển liên kết chuỗi giá trị nông sản hàng hóa, Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang hỗ trợ kỹ thuật, phát huy vai trò của nhà nước và doanh nghiệp đầu tàu trong liên kết dọc, tăng cường liên kết ngang, đa dạng hóa sản phẩm và tổ chức sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ... Tỉnh sẽ tiếp tục lập dự án xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất-tiêu thụ một số sản phẩm chủ lực như xoài cát Hòa Lộc, thanh long, sầu riêng, gà ri, chim cút...

TRIỂN LÃM NGUỒN HÀNG VIỆT NAM TRỰC TUYẾN TẠI AUSTRALIA

Nhằm thúc đẩy hoạt động xuất khẩu năm 2022, từ ngày 10-31/12, một chuỗi triển lãm nguồn hàng Việt Nam đã được Thương vụ Việt Nam tại Australia tổ chức trên nền tảng kỹ thuật số. Chuỗi triển lãm trưng bày 350 gian hàng, được chia làm nhiều triển lãm nhỏ, tập trung vào từng ngành hàng thế mạnh của Việt Nam, như dệt may và giày dép, nông sản và thủy sản, vật liệu xây dựng và đồ gỗ, vật tư trang bị...

Do dịch COVID-19 gây ảnh hưởng tới hoạt động cung ứng, việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xúc tiến thương mại góp phần xóa bỏ rào cản về đi lại, hỗ trợ doanh nghiệp hai nước có điều kiện mở rộng quan hệ hợp tác, tìm hiểu và cung cấp các sản phẩm kịp thời, góp phần đẩy mạnh kết nối chuỗi giá trị sản phẩm Việt Nam.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong 11 tháng năm 2021, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Australia đạt gần 11,18 tỷ USD, tăng 50,23% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó xuất khẩu từ Việt Nam sang Australia đạt hơn 3,97 tỷ USD, tăng 20,71%.



Xuất khẩu các mặt hàng thế mạnh của nước ta sang Australia như dệt may, giày dép, thủy sản, nông sản rau quả, gạo tiếp tục tăng trưởng tốt, đặc biệt là hàng nông sản, rau củ quả tăng 25,46%. Trong bối cảnh nông sản Việt Nam đang nỗ lực mở rộng xuất khẩu và triển vọng tiêu thụ hàng Việt Nam tại Australia là rất khả quan, Thương vụ sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động xúc tiến sớm và lựa chọn các mặt hàng nông sản cấp đông có triển vọng để xây dựng thương hiệu tại thị trường Australia.

Dự kiến chuỗi triển lãm về nguồn hàng Việt Nam sẽ được tiếp tục ngay trong tháng 1/2022 trên nền tảng trực tuyến www.vietnamsourcingexpo.com/.

MỜI DOANH NGHIỆP THAM DỰ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ KADUNA LẦN THỨ 43 TẠI NIGERIA

Hội chợ Thương mại quốc tế Kaduna (Kaduna International Trade Fair) lần thứ 43 do Phòng Thương mại và Công nghiệp, Mỏ và Nông nghiệp Kaduna (Kadccima) tổ chức, diễn ra từ ngày 25/02/2022 đến ngày 06/03/2022. Hội chợ được tổ chức thường niên tại Trung tâm Thương mại và đầu tư quốc tế Kaduna, Rigachikun, bang Kaduna, Nigeria.

Danh mục sản phẩm và dịch vụ dự kiến trưng bày tại hội chợ rất đa dạng, bao gồm: máy móc, thiết bị và công nghệ dùng trong nông nghiệp; sản phẩm nghệ thuật, thủ công mỹ nghệ và đồ cổ; cây và hoa nhân tạo; ô tô và phụ tùng; túi du lịch và cặp học sinh; dịch vụ ngân hàng và tài chính; vật liệu xây dựng; thảm và giấy dán tường; hóa chất, mỹ phẩm và sản phẩm hỗ trợ chăm sóc sắc đẹp; đồ dùng và đèn chùm bằng pha lê; sản phẩm sữa; nước xả vải và hóa chất dùng trong gia đình; sản phẩm điện và điện tử; thời trang và phụ kiện; thực phẩm tươi sống, đông lạnh và đóng hộp; đồ nội thất (văn phòng và gia đình); quà tặng; đồ thủy tinh và đồ gốm;

sản phẩm chăm sóc sức khỏe; đồ bếp; thiết bị gia dụng; thiết bị và dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông; máy móc và thiết bị công nghiệp; đồ trang sức; đồ da; đèn chiếu sáng, đèn bàn; thiết bị văn phòng; các sản phẩm dầu mỏ, hóa dầu và khí ga; sản phẩm nhựa gia dụng; thiết bị vệ sinh; sản phẩm dệt may; đồ chơi và văn phòng phẩm; đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và trang sức; thiết bị và công nghệ xử lý nguồn nước.

Giá thuê gian hàng tại hội chợ được áp dụng như sau: Đối với gian hàng ngoài trời: 30 USD/m² (tối thiểu 30 m² và chưa bao gồm các tiện ích khác). Đối với gian hàng trong nhà: 60 USD/m² (tối thiểu 30 m² và chưa bao gồm các tiện ích khác).

Các doanh nghiệp có quan tâm đăng ký tham dự có thể liên hệ với Đại sứ quán Nigeria tại Việt Nam để nắm bắt thông tin chi tiết: ĐT: (024) 3726 3610/11; E-mail: nigembvn@yahoo.com; Địa chỉ: Villa 44/1 phố Vạn Bảo, Khu Ngoại Giao Đoàn, Vạn Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội./.

DANH SÁCH CÁC HỘI CHỢ TRIỂN LÃM QUỐC TẾ NĂM 2022 TẠI TÂY BAN NHA

Thương vụ Việt Nam tại Tây Ban Nha đã có thông tin về danh sách các hội chợ triển lãm tại Tây Ban Nha trong năm 2022 để doanh nghiệp tham khảo.

Danh sách các Hội chợ triển lãm quốc tế năm 2022 tại Tây Ban Nha

STT	Tên sự kiện	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Thông tin liên hệ (website, email)
1	Hội chợ hàng quà tặng và trang trí Intergift 2022	Trung tâm hội chợ triển lãm Madrid (ifema)	2-6/2/2022	https://www.ifema.es/intergift
2	Hội chợ Thịt và thực phẩm MEAT ATTRACTION 2022	Trung tâm hội chợ triển lãm Madrid (ifema)	8-10/3/2022	https://www.ifema.es/meat-attraction
3	Triển lãm dầu ô lưu thế giới (World Olive Oil Exhibition)	Trung tâm hội chợ triển lãm Madrid (ifema)	8-9/3/2022	https://oliveoillexhibition.com/en/
4	Hội chợ thực phẩm Alimentaria 2022	Trung tâm hội chợ triển lãm Barcelona	4-7/4/2022	https://www.alimentaria.com/
5	Hội chợ Salón Gourmets (sản phẩm thực phẩm, đồ uống chất lượng cao high-end)	Trung tâm hội chợ triển lãm Madrid (ifema)	25-28/4/2022	https://www.gourmets.net/

BÌNH THUẬN MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ QUẢ THANH LONG



Thanh long của tỉnh Bình Thuận trong những năm qua đã không ngừng tăng nhanh cả diện tích và sản lượng. Tổng diện tích thanh long toàn tỉnh hiện có hơn 33.000 ha với sản lượng hàng năm khoảng 700.000 tấn.

Sản xuất thanh long đã đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với nhiều loại cây trồng khác và nâng cao thu nhập cho người nông dân. Tuy nhiên, trước việc một số cửa khẩu biên giới phía Bắc ứn tắc thông quan và việc

Trung Quốc ban hành các Quyết định quy định việc nhập khẩu thực phẩm vào nước này ảnh hưởng đến xuất khẩu của nông sản, tỉnh Bình Thuận đang tích cực triển khai nhiều biện pháp, nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ, tạo đầu ra ổn định cho trái thanh long.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất thanh long ứng dụng công nghệ cao, tỉnh Bình Thuận đang hình thành vùng sản xuất thanh long theo hướng ứng dụng công nghệ cao tại hai huyện Hàm Thuận Nam và Hàm Thuận Bắc. Tỉnh cũng đang triển khai dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao 2.000 ha tại huyện Bắc Bình cho nhiều loại cây trồng khác nhau; trong đó, có cây thanh long.

Định hướng phát triển thanh long của tỉnh Bình Thuận hiện nay là không khuyến khích phát triển diện tích, mà tập trung phát triển đi vào chất lượng để phát triển bền vững. Bên cạnh đó, Bình Thuận đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc sản xuất thanh long theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP. Đồng thời, triển khai đồng bộ từ khâu sản xuất đến cơ sở đóng gói, sơ chế, bảo quản để chủ động trong tiêu thụ nội địa và xuất khẩu... Đến tháng 12/2021, diện tích thanh long được chứng nhận VietGAP là 12.000 ha, chiếm khoảng 30% diện tích thanh long toàn tỉnh.

Hiện thanh long Bình Thuận tiêu thụ trên thị trường chủ yếu là trái tươi; khoảng từ 15-20% sản lượng thanh long cung cấp cho thị trường nội địa; từ 80-85% tập trung cho xuất khẩu. Để mở rộng thị trường tiêu thụ thanh long, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh Bình Thuận đã triển khai nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy tiêu thụ thanh long trong và ngoài nước như: Tổ chức các hoạt động kết nối, mở rộng thị trường tiêu thụ trái thanh long của tỉnh Bình Thuận, thực hiện mô hình thí điểm tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp (mô hình tiêu thụ thanh long). Đồng thời, ban hành văn bản chỉ đạo triển khai đồng bộ hóa các giải pháp nhằm đẩy nhanh thời gian thông quan hàng hóa tại các cửa khẩu.

Bên cạnh việc tiêu thụ thanh long trái tươi, trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đã có nhiều doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến sản phẩm từ trái thanh long như: nước ép, sấy khô, sấy dẻo, rượu vang thanh long...

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ

CÔNG BỐ HẠN NGẠCH THUẾ QUAN NHẬP KHẨU MUỐI, TRỨNG GIA CẦM NĂM 2022

Bộ Công Thương vừa ban hành Thông tư 24/2021/TT-BCT quy định về nguyên tắc điều hành nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan đối với mặt hàng muối, trứng gia cầm và thuốc lá nguyên liệu năm 2022.

Đối với mặt hàng muối, hạn ngạch là 80.000 tấn. Với thuốc lá nguyên liệu, hạn ngạch là 65.156 tấn. Trứng gà, trứng vịt - ngan và các loại khác là 63.860 tá.

Theo Thông tư trên, đối tượng được phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu muối là thương nhân trực tiếp sử dụng làm nguyên liệu sản xuất hóa chất và sản

xuất thuốc, sản phẩm y tế. Hạn ngạch trứng được phân giao cho thương nhân có nhu cầu nhập khẩu.

Bộ Công Thương trao đổi với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài chính để xác định thời điểm phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đối với muối và trứng gia cầm. Bộ Công Thương xác định thời điểm phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đối với mặt hàng thuốc lá nguyên liệu.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/2/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

TỪ NĂM 2022, TRUNG QUỐC SẼ GIẢM THUẾ NHIỀU MẶT HÀNG THỦY SẢN NHẬP KHẨU

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam dẫn nguồn tin từ K-sina-com-cn cho biết, ngày 15/12/2021 Ủy ban Thuế quan của Quốc vụ viện Trung Quốc ra thông báo về kế hoạch điều chỉnh thuế quan năm 2022.

Theo văn bản của Bộ Tài chính Trung Quốc, từ ngày 1/1/2022, nước này sẽ thực hiện thuế nhập khẩu tạm thời dưới mức thuế tối huệ quốc đối với nhiều mặt hàng. Để đáp ứng nhu cầu của người dân và xu hướng nâng cấp tiêu dùng, tạo khí thế cho Thế vận hội mùa Đông Bắc Kinh, Trung Quốc giảm thuế nhập khẩu đối với một số

mặt hàng tiêu dùng, trong đó có các sản phẩm thủy sản chất lượng cao như cá hồi và cá tuyết.

Là thủy sản nhập khẩu quan trọng của Trung Quốc, thuế nhập khẩu cá hồi tươi Đại Tây Dương sẽ giảm xuống còn 7%. Thuế đối với tôm Bắc Cực sẽ giảm xuống còn 2%. Thuế nhập khẩu cá minh thái Alaska đông lạnh sẽ còn 2%.

Trong số các mặt hàng mà Trung Quốc giảm thuế nhập khẩu, một số là thế mạnh của Việt Nam như cá hồi, cá ngừ - tôm - cua đông lạnh...

Bảng thuế dự kiến đối với các sản phẩm thủy sản nhập khẩu vào Trung Quốc năm 2022

STT	Mã HS	Tên sản phẩm	Mức thuế hiện tại (%)	Thuế suất từ 1/1/2022 (%)
1	03021410	Cá hồi ĐTD tươi, ướp lạnh	10	7
2	03078190	Bào ngư sống, tươi, ướp lạnh	10	7
3	03034100	Cá ngừ albacore đông lạnh	7	6
4	03034200	Cá ngừ vây vàng đông lạnh	7	6
5	03034400	Cá ngừ mắt to đông lạnh	7	6
6	03034510	Cá ngừ vây xanh ĐTD đông lạnh	7	6
7	03034600	Cá ngừ vây xanh miền Nam đông lạnh	7	6
8	03031310	Cá hồi ĐTD đông lạnh	7	5
9	03035990	Cá thu đao đông lạnh	7	5
10	03038910	Cá nước ngọt đông lạnh	7	5

GIÁ NHIỀU MẶT HÀNG NÔNG SẢN GIẢM TRONG THÁNG CUỐI NĂM 2021

Trong tháng cuối cùng của năm 2021, giá một số mặt hàng nông sản trên thị trường thế giới giảm do các nhà đầu tư lo ngại về những ảnh hưởng tiêu cực của virus biến thể Omicron, cùng với đó là việc nhiều nước bắt đầu bước vào các kỳ nghỉ lễ năm mới.

Lúa mì, ngô, đậu tương: Trên sàn giao dịch Chicago, kết thúc phiên giao dịch ngày 28/12/2021, giá lúa mì kỳ hạn tháng 3/2022 ở mức 803,3 UScent/bushel, giảm 0,4% so với cuối tháng 11/2021; giá lúa mạch cũng giảm 2,6% xuống còn 721,5 UScent/bushel.

Trái lại, giá ngô và đậu tương tại Chicago tăng lên mức cao nhất trong vòng nhiều tháng do thời tiết khô và nóng tại khu vực Nam Mỹ làm dấy lên mối lo ngại nguồn cung. Cụ thể, giá đậu tương trên sàn Chicago tăng 11,9% so với tháng trước, lên 1.37 UScent/bushel; giá ngô tăng 7,1% lên 616 UScent/bushel.

Đường thô: Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2022 trong phiên giao dịch ngày 28/12/2021 đạt tương đương cuối tháng 11 với 19,2 UScent/lb. Giá đường đang được hỗ trợ bởi sản lượng của Brazil dự kiến giảm trong niên vụ 2021/22. Trong khi các nhà máy tại Ấn Độ chờ đợi giá đường toàn cầu tăng lên khoảng 21 USDcent/lb hoặc cao hơn cho giao dịch xuất khẩu mới trong thời gian tới.

Cà phê: Giá cà phê Robusta và Arabica biến động trái chiều trong tháng 12/2021. Cụ thể, giá cà phê Robusta tăng 9% so với cuối tháng trước lên mức 2.462 USD/tấn. Ngược lại, cà phê Arabica đóng cửa phiên giao dịch ngày 28/12 giảm 2,7% so với tháng trước, xuống còn 227,1 UScent/lb. Giá cà phê Robusta được hỗ trợ nhiều hơn, khi tiến độ thu hoạch của Việt Nam bị chậm, và rất có thể sẽ ảnh hưởng đến nguồn cung của niên vụ tới. Tuy nhiên, nhu cầu giảm khi các nhà giao dịch ở châu Âu và Bắc Mỹ đều bước

vào kỳ nghỉ cuối năm. Mặt khác, sự lây lan nhanh của biến thể Omicron khiến một số nước châu Âu phải thắt chặt các biện pháp kiểm soát dịch.

Cao su: Giá cao su RSS3 tại Singapore giảm 1,1% so với tháng trước xuống còn 174,8 UScent/kg trong phiên giao dịch ngày 28/12/2021. Giao dịch có phần thưa thớt do các nhà đầu tư lo lắng về tác động tiếp diễn của tình trạng thiếu chip toàn cầu đối với sản xuất ô tô, trong khi lo ngại về biến thể virus Omicron đang lan rộng nhanh chóng.

Gạo: Trong tháng 12/2021, giá gạo 5% tấm của Ấn Độ ổn định ở mức 355 - 360 USD/tấn. Hiện nguồn cung gạo đang thấp do quá trình xay xát bị đình trệ, song nhu cầu cũng yếu do người mua đang bước vào kỳ nghỉ lễ Giáng sinh và năm mới.

Trong khi đó, giá gạo 5% tấm của Thái Lan giảm 7 USD/tấn trong tháng 12, xuống còn 385 - 396 USD/tấn trong ngày 28/12. Nhu cầu không có nhiều biến động do thị trường bước vào kỳ nghỉ lễ, đồng thời hiện tại không có vấn đề về nguồn cung.

Gỗ: giá gỗ xẻ tại Bắc Mỹ đã tăng mạnh 37,2% trong tháng 12/2021 lên mức 1.090 USD/1000 board feet do được thúc đẩy bởi sự sụt giảm nguồn cung trong khi nhu cầu tăng.

Một lượng mưa kỷ lục vào tháng trước ở British Columbia – nguồn cung gỗ chính ở Bắc Mỹ - đã làm hư hỏng đường và mạng lưới giao thông ở tỉnh phía tây của Canada. Bên cạnh đó là tình trạng ách tắc trong vận chuyển tại cảng Vancouver khiến tình hình nguồn cung trở lên căng thẳng hơn. Nhu cầu xây dựng nhà ở của các hộ gia đình tăng đột biến vào cuối năm 2021, và người mua cố gắng chốt giá trước khi Mỹ áp dụng thuế quan đối với gỗ mềm của Canada, với mức tăng gấp đôi vào năm 2022.

Tham khảo giá một số nông sản thế giới đến ngày 28/12/2021

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 28/12/2021	So với ngày 30/11/2021 (%)	So với cuối năm 2020 (%)
Ngô CBOT	US cent/bushel	616,0	7,1	35,6
Lúa mì CBOT	US cent/bushel	805,3	-0,4	28,1
Lúa mạch	US cent/bushel	721,5	-2,6	113,3
Đậu tương	US cent/bushel	1.379	11,9	8,6
Khô đậu tương	USD/tấn	410,3	20,6	-2,0
Dầu đậu tương	US cent/bushel	57,4	1,5	40,1
Ca cao	USD/tấn	2.461	3,8	-5,1
Đường thô	US cent/lb	19,2	0,5	28,9
Nước cam	US cent/lb	139,9	11,7	15,0
Cà phê Robusta	USD/tấn	2.462	9,0	79,8
Cà phê Arabica	US cent/lb	227,1	-2,7	80,3
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	1.090	37,2	39,1
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	360	0,0	-7,0
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	396	-1,7	-23,8
Cao su Singapore	US cent/kg	174,8	-1,1	14,3

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

Việt Nam cần chú ý đến vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm

ĐỀ KHAI THÁC HIỆU QUẢ THỊ TRƯỜNG BỈ

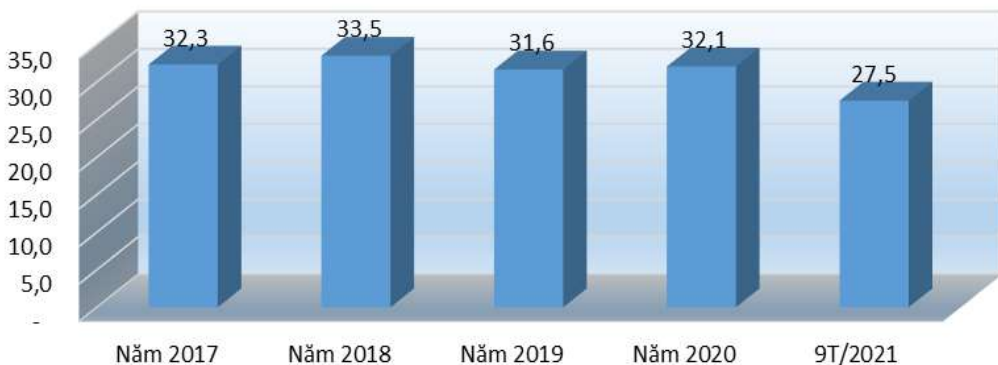
Theo thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu nông, lâm, thủy sản vào Bỉ tăng trưởng bình quân 1,356%/năm trong giai đoạn 2016-2020.

Đáng chú ý, năm 2020 và 2021, mặc dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 nhưng

nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Bỉ vẫn tăng, trong đó, nhập khẩu nhóm hàng này trong năm 2020 đạt 32,05 tỷ USD, tăng 1,31% so với năm 2019.

Trong 9 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Bỉ đạt 27,7 tỷ USD, tăng 17,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Kim ngạch nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Bỉ giai đoạn 2017-2020 và 9 tháng năm 2021 (Đvt: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm thương mại Quốc tế

Trong 9 tháng năm 2021, Bì nhập khẩu chủ yếu sản phẩm bơ sữa, trứng chim và trứng gia cầm, mật ong tự nhiên, gỗ và các mặt hàng bằng gỗ, quả và quả hạch, chiếm 33,5% tổng trị giá nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Bì.

Nhu cầu đối với hàng nông, lâm, thủy sản của Bì là rất lớn, trong đó, nhập khẩu hầu hết các mặt hàng nông, lâm, thủy sản vào

Bì tăng mạnh trong 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020, nhiều mặt hàng tăng trưởng nhập khẩu ở mức hai con số như sản phẩm bơ sữa; trứng chim và trứng gia cầm, mật ong tự nhiên, gỗ và các mặt hàng bằng gỗ, ca cao và các chế phẩm từ ca cao, ngũ cốc, rau và một số loại củ, thân củ và rễ ăn được, hạt đậu và quả có dầu, các loại ngũ cốc, hạt và quả khác, cà phê, chè, cao su thô...

Một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Bì 9 tháng năm 2021

Mặt hàng	Bì nhập khẩu từ thế giới (Đvt: nghìn USD)			Tỷ trọng hàng Việt Nam trên tổng nhập khẩu của Bì (%)	
	9T/2021	9T/2020	So sánh (%)	9T/2021	9T/2020
Tổng	27.759.517	23.585.890	17,7	0,70	0,89
Sản phẩm bơ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	3.430.447	2.912.107	17,8	0,004	
Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ	3.034.894	2.269.254	33,7	0,36	0,39
Quả và quả hạch	2.842.286	2.680.549	6,0	0,15	0,31
<i>Hạt điều</i>	49.561	51.284	-3,4	2,97	11,65
Ca cao và các chế phẩm từ ca cao	2.426.997	2.157.065	12,5	0,20	0,17
Ngũ cốc	2.201.148	1.651.504	33,3	0,06	0,02
<i>Gạo</i>	319.699	315.104	1,5	0,45	0,12
Rau và một số loại củ, thân củ và rễ ăn được	1.919.312	1.730.654	10,9	0,11	0,12
Các chế phẩm từ rau, quả, quả hạch hoặc các sản phẩm khác của cây	1.666.717	1.548.548	7,6	0,03	0,04
Hạt đậu và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác	1.652.397	1.420.507	16,3	0,02	0,00
Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	1.361.889	1.290.444	5,5	0,11	0,26
Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	1.263.064	1.181.374	6,9	4,59	5,27
Cà phê, chè và các loại gia vị	1.139.942	963.488	18,3	5,55	8,87
<i>Cà phê</i>	984.752	828.077	18,9	6,37	10,28
<i>Chè</i>	60.636	52.365	15,8	0,12	0,03
<i>Hạt tiêu</i>	10.631	10.041	5,9	2,67	3,15
Cao su thô	1.108.545	802.346	38,2	0,76	0,50
Các chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác	986.085	848.986	16,1	1,80	2,13
<i>Thủy sản chế biến</i>	342.039	297.435	15,0	5,20	6,07
Đồ nội thất bằng gỗ	832.312	607.328	37,0	2,14	1,99
Cây sống và các loại cây trồng khác, củ, rễ và loại tương tự, cành hoa và cành lá trang trí	528.180	402.593	31,2	0,29	0,27
Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin, gluten lúa mì	521.801	372.620	40,0	0,01	0,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm thương mại Quốc tế

Bỉ được coi là cửa ngõ, trung tâm trung chuyển hàng hóa của khu vực EU. Thời gian qua, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Bỉ đã cải thiện đáng kể, nhờ kinh tế Việt Nam đang tăng trưởng nhanh chóng và mở rộng toàn cầu hóa. Đáng lưu ý, hiện tại Bỉ cũng là đối tác thương mại lớn thứ 7 của Việt Nam trong EU, trao đổi thương mại hai chiều đạt gần 3 tỷ Euro/năm theo số liệu từ phía EU.

Với hệ thống giao thông, cầu cảng hiện đại cùng vị trí thuận lợi, Bỉ trở thành cánh cửa thuận lợi cho hàng hóa Việt Nam, trong đó có mặt hàng nông, thủy sản.

Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và EU đã có hiệu lực được hơn một năm, tuy vậy, tỷ trọng hàng nông, lâm, thủy sản Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Bỉ vẫn ở mức rất thấp, chưa đến 1%, thậm chí tỷ trọng còn giảm trong 9 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020.



Hiện trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản, Việt Nam mới chỉ khai thác tốt thị trường Bỉ ở một số mặt hàng như thủy sản chưa qua chế biến và thủy sản chế biến, cà phê, đồ nội thất bằng gỗ. Tuy vậy, tỷ trọng các nhóm hàng này trong tổng nhập khẩu vào Bỉ vẫn chỉ ở mức thấp.

Một số mặt hàng của Việt Nam có tỷ trọng nhập khẩu lớn tại Bỉ là hạt điều, thủy sản chưa qua chế biến, cà phê, hạt tiêu. Tuy nhiên, nhập khẩu các mặt hàng này từ Việt Nam vào Bỉ lại giảm trong 9 tháng đầu năm 2021, điều này khiến tỷ trọng các mặt hàng này của Việt Nam tại Bỉ giảm so với cùng kỳ năm 2020

Trong khi đó, một số mặt hàng khác của Việt Nam mặc dù vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ tại Bỉ nhưng bước đầu đã có sự tăng trưởng tốt như gạo; hạt đậu và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác; chè; cao su thô; đồ nội thất sử dụng trong nhà bếp; đồ nội thất sử dụng trong phòng ngủ; các sản phẩm xay xát, malt, tinh bột, inulin, gluten lúa mì.

Nguyên nhân khiến hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam chưa thâm nhập được nhiều vào thị trường Bỉ là do doanh nghiệp Việt Nam chưa chú trọng đúng mức với vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm khi đưa hàng hóa sang thị trường Bỉ và cả khối EU. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng thường gặp những lỗi rất cơ bản như bao bì không hiển thị đủ thông tin bằng ngôn ngữ theo quy định...

Trong thời gian tới, để tận dụng hiệu quả những lợi thế từ Hiệp định EVFTA, khi xuất khẩu hàng sang thị trường Bỉ nói riêng và thị trường EU nói chung, các doanh nghiệp Việt Nam phải làm việc kỹ với nhà nhập khẩu về nhãn hàng, chất lượng sản phẩm, bao bì đóng gói, kiểm tra hợp đồng... tránh thất thoát và thiệt hại cho các bên.

Theo các doanh nghiệp đã và đang làm ăn với các đối tác thuộc EU, các siêu thị lớn tại EU không nhập khẩu trực tiếp hàng hóa từ Việt Nam, do vậy để đưa hàng hóa vào thị trường này, doanh nghiệp trong nước nên hợp tác với nhà nhập khẩu EU cho phép ký gửi hàng hóa tại kho. Mặc dù sử dụng phương thức này doanh nghiệp có thể mất thêm chi phí lưu kho, tiền hàng sẽ thu chậm hơn nhưng sẽ chắc chắn và an toàn hơn khi thâm nhập thị trường.

Mặt khác, doanh nghiệp cùng ngành hàng trong nước nên liên kết với nhau để đa dạng mặt hàng, đảm bảo đủ sản lượng và tận dụng được container khi xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU.

► Theo Văn phòng SPS Việt Nam (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Tổng cục Hải quan Trung Quốc đang cập nhật kết quả phê duyệt doanh nghiệp được phép nhập khẩu sản phẩm nông sản thực phẩm của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc và mã số sản phẩm để doanh nghiệp in bao bì, nhãn mác...

Trong đó, Hoa Kỳ là 2.200, Nhật Bản là 987, Australia là 564, Hàn Quốc là 588, Canada là 482, Malaysia là 372, Thái Lan là 483, Việt Nam là 320, Ấn Độ là 279, Indonesia là 270, Philippines là 70 và các nước khác.

Mỗi sản phẩm của doanh nghiệp sẽ được Tổng cục Hải quan Trung Quốc cấp 1 mã. Như vậy 1 doanh nghiệp có thể được cấp nhiều mã sản phẩm.

Doanh nghiệp cập nhật thông tin theo đường link: <https://ciferquery.singlewindow.cn/>

Việc phê duyệt doanh nghiệp được phép nhập khẩu sản phẩm nông sản thực phẩm vào thị trường Trung Quốc và mã số sản phẩm để doanh nghiệp in bao bì, nhãn mác... nói trên là để thực hiện Lệnh 248 về "Quy định quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước ngoài nhập khẩu" và Lệnh 249 về "Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu" của Trung Quốc, có hiệu lực từ ngày 1/1/2022.

Để tránh gián đoạn xuất khẩu sang thị trường này, nhiều chuyên gia nông nghiệp khuyến cáo, các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu nông sản thực phẩm cũng như các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông, thủy sản Việt Nam cần lưu ý tuân thủ đầy đủ quy định mới.

► Trong 11 tháng năm 2021, xuất khẩu nông sản của Campuchia sang thị trường Việt Nam liên tục tăng, với xuất khẩu gạo, hạt điều, ngô, đậu xanh và đậu tương sang Việt Nam tăng tới 3 – 4 lần so với

cùng kỳ năm 2020. Theo số liệu từ Văn phòng Thương mại Campuchia tại Việt Nam, trong 11 tháng năm 2021, Campuchia đã xuất khẩu hơn 7,13 triệu tấn nông sản sang 68 nước và vùng lãnh thổ, tăng 93,4% so với cùng kỳ năm 2020. Đáng chú ý, Campuchia xuất khẩu hơn 622.000 tấn sắn sang Việt Nam, chiếm 75,7% tổng kim ngạch xuất khẩu sắn của nước này.

► Trong tháng 11/2021, xuất khẩu thịt lợn của Nga sang Việt Nam giảm 39% so với cùng kỳ năm 2020 do nguồn cung thịt lợn nội địa Việt Nam dồi dào và cạnh tranh từ Mỹ ngày càng tăng. Theo Russian Federal Center for the Development of Export of Agricultural Products (Agroexport), nguyên nhân giảm xuất khẩu thịt lợn Nga sang Việt Nam là do các nhà xuất khẩu Việt Nam không thanh toán trước trong bối cảnh giá thịt lợn thế giới giảm và những khó khăn về logistics. Nga vẫn là nguồn cung cấp thịt lợn lớn nhất cho thị trường Việt Nam với thị phần chiếm 41% trong tổng nhập khẩu thịt lợn của Việt Nam. Tuy nhiên, thị phần này đang giảm do cạnh tranh mạnh từ Mỹ sau khi Việt Nam hạ thuế nhập khẩu thịt lợn đông lạnh Mỹ từ 15% xuống còn 10%.

► Bộ Thương mại Mỹ thông báo mức thuế chống bán sơ bộ đối với mật ong Việt Nam là 412,29%, gấp đôi so với mức thuế 207% mà Hiệp hội các nhà sản xuất mật ong Mỹ đề xuất ban đầu. 4 nước khác bao gồm Brazil, Ấn Độ, Ucraina và Argentina cũng nằm trong danh sách các nước bị áp thuế xuất khẩu mật ong, nhưng mật ong Việt Nam chịu mức thuế cao nhất. Mặc dù đây chỉ là kết quả sơ bộ, quyết định của Bộ Thương mại Mỹ tác động nghiêm trọng tới các doanh nghiệp và lao động trong ngành mật ong xuất khẩu tại Việt Nam. Việt Nam và Mỹ đang thảo luận về mức thuế công bằng hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam.